



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, Trung tâm Công nghệ Năng lượng và Môi trường Quốc gia, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1653
Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03795/2026/PKQ (1672.01W2603.0545)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT	
					Ngưỡng giới hạn cho phép	
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1	
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1	
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01	
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0	
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2	
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15	
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,13	Trong khoảng 6,0-8,5	
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1	
10.	Peranganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,9	2	

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- OIW/2603.0545: Mẫu tại vòi sau bơm II - Trạm cấp nước sạch Pháp Vân

-(a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên

Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

RM 24-1

Ngày in: 01/01/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03796/2026/PPKQ (1672.01W2603.0546)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **VILAS 366** Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QC/NV 01- 1:2024/BYT
					Giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,07	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QC/NV 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt
- 01W2603.0546: Trạm cấp nước sạch Pháp Vân - Vòi vào bể ngầm Nơ 3
- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đậu Xuân Tiên



Nguyễn Quang Ninh



Ả THỬ NGHIỆM

Số: 03797/2026/PKQ (1672.01W2603.0547)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS

Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,

Việt Nam

Nước sạch

Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất

: 01

: 11/03/2026

: 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Người giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,23	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi là
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,1	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,83	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng

cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0547: Trạm cấp nước sạch Pháp Vân - Vòi vào bể ngầm Nơ 20

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên



Nguyễn Quang Ninh

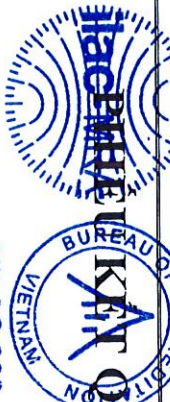
- Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654
Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03798/2026/PKQ (1672.01W2603.0548)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt
Địa chỉ : Nam

Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,29	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,04	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Peranganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt

- O1W2603.0548: Mẫu tại vòi sau bơm II - Trạm cấp nước sạch Việt Hưng
- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QUỐC
KỸ VIỆN TRƯỜNG
PHO VIỆN TRƯỜNG

Đậu Xuân Tiên
Nguyễn Quang Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao mọi phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Nghị hiện lực: 01/01/2024

Trang: 1/1



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1203 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03799/2026/PKQ (1672.01W2603.0549)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **VILAS 366**
Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,24	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,08	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,02	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng

cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0549: Trạm cấp nước sạch Việt Hưng - Vòi vào bể ngầm 5 tầng Lô P

-(a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến
Nguyễn Quang Ninh



- Phiên kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao môi phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

RM 24-1

Nhàv hiện hrc: 01/01/2024

Tranơ: 1/1



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1203 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03800/2026/PKQ (1672.01W2603.0550)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **VILAS 366** Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDDS
Cm Hạnh Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Địa chỉ : Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT	
					Người giới hạn cho phép	
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1	
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1	
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0008	0,01	
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0	
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2	
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15	
7.	Mùi ^(a)	-	ISTBE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,26	Trong khoảng 6,0-8,5	
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1	
10.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	1,02	2	

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng

cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0550: Trạm cấp nước sạch Việt Hưng - Vòi vào bể ngầm Chung cư K1

-(a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

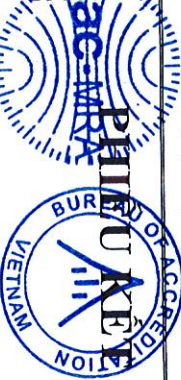
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Đặng Xuân Triền



Nguyễn Quang Ninh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03801/2026/PPKQ (1672.01W2603.0551)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CHIẾN SẮC** Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt
Địa chỉ : Nam

Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0008	0,01
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,3	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,12	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0551: Mẫu tại vòi sau bơm II - Trạm cấp nước sạch Định Công

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÒNG PHÁT TRIỂN

Đậu Xuân Tiên



Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03802/2026/PPKQ (1672.01W2603.0552)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **Chiến lược Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDIS**
Địa chỉ : Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội, Việt Nam

Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QC VN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0012	0,01
4.	Clor dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,26	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,82	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	1,09	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QC VN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- **01W2603.0552**: Mẫu nước trên tuyến ống số 8 Định Công
- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên



Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, KĐT Giảng Đường Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1203
Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



VILAS 366

Số: 03803/2026/PPKQ (1672.01W2603.0553)

QUẢ THỬ NGHIỆM

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01- 1:2024/BYT
					Người giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,23	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,78	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Peranganat ^(a)	mg/L	TCVN 6186: 1996	1,15	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng

cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0553: Mẫu nước trên tuyến ống số 2 Định Công

-(a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao mới phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

RM 24.1

Ngày hiện lực: 01/01/2024

Trang: 1/1



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03804/2026/PKQ (1672.01W2603.0554)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **VILAS 366** Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,32	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,82	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Peranganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,09	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt**
- **01W2603.0554: Mẫu tại vòi sau bơm II- Trạm cấp nước sạch Linh Đàm**
- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

Q/MQC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Đậu Xuân Tiến



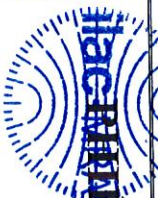
Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1554
Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03805/2026/PKQ (1672.01W2603.0555)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Địa chỉ : Việt Nam
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCYN 01-
					1:2024/BYT
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	Ngưng giới hạn cho phép
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	0,0008	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,87	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Peranganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	1,02	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCYN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0555: Trạm cấp nước sạch Linh Đàm - Vòi vào bể ngầm CT5X2 Bắc Linh Đàm

-(a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC
KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiên
Nguyễn Quang Ninh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao môi phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

RM 24-1

Ngày hiện lực: 01/01/2024

Trang: 1/1



QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03806/2026/PKQ (1672.01W2603.0556)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Chi nhánh Công ty TNHH MTV dịch vụ nhà ở và khu đô thị HUDS
Tầng 1 Nơ 1A Bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, TP Hà Nội,
Việt Nam

Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01

Thời gian nhận mẫu : 11/03/2026
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026 - 20/03/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/ 100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clor tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,21	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	6,89	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt

- 01W2603.0556: Trạm cấp nước sạch Linh Đàm - Vòi vào bể ngầm Nơ 10 Bán Đảo Linh

Đàm

- (a): Thông số được Vilas công nhận; - Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QM/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÒNG VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Đậu Xuân Tiến



Nguyễn Quang Ninh

CÔNG TY CP GIAO NHẬN QUỐC TẾ NỘI BÀI (AIRPOST EXPRESS)

PHIẾU GỬI

Hotline: 0978768286 - Tel: 0886440286
 Email: airpostvn@gmail.com - Website: ww.airpost.com.vn



HỌ TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI GỬI / Full name, address of sender VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG Số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.		Tỉnh / Thành: Hà Nội Tel: 0976120894	
HỌ TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI NHẬN / Full name, address Trụ sở Xi nghiệp 1 tầng 1 Nr 1 A Bán đảo Kdt Linh Đàm, Hoàng Liệt, hoàng mai 0988425446 C Trú:		Tỉnh / Thành: Hà Nội Tel: 0988425446	
Kê khai hải quan <input type="checkbox"/> Quà biếu <input type="checkbox"/> Giấy tờ giao dịch <input type="checkbox"/> Mẫu hàng	Trọng lượng (gr) KL quy đổi (cm) 100g 10cm	Dịch vụ <input checked="" type="checkbox"/> Nhanh <input type="checkbox"/> Tiết kiệm <input type="checkbox"/> Hòa tốc	
		Ngày gửi 03/27/2026 Chữ ký người gửi Nhân viên nhận	
Nội dung (Stamp: HANG HANG)		Cước vận chuyển: - PPNL: - Trước VAT: - Sau VAT: -	
<input type="checkbox"/> Đã thanh toán <input checked="" type="checkbox"/> TT cuối tháng <input type="checkbox"/> Đầu nhận thanh toán		Nhân viên phát Chữ ký người nhận 20/3 Ngày giờ phát Nhân viên nhận	